

Số: 46/2020/QĐST-HNGĐ

Hòa An, ngày 25 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bế Kim Phong;

2. Bà Nguyễn Thị Diệp.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 98/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N; Sinh ngày 25/3/1984.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Công ty TNHH W, Việt Yên, Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Anh Trần Văn C; Sinh ngày 06/7/1987;

Nơi đăng ký HKTT và Địa chỉ cư trú hiện nay: Xóm Đ, xã H, huyện H tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Trần Văn C nhất trí tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh C về việc sau khi ly hôn chị Lê Thị N sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Bảo Q, sinh ngày 13/8/2011 và Trần Quốc K, sinh ngày 17/10/2016 đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Anh Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng anh C không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị N. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết anh C, chị N có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh C về việc sau khi ly hôn anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị N và anh C cùng thừa nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Có nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị Lê Thị N và anh Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị N tự nguyện nộp án phí dân sự bao gồm cả phần của anh C với tổng số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0001379 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Hoà An;*
- *CCTHADS huyện Hòa An;*
- *TAND tỉnh Cao Bằng;*
- *UBND xã H, Hòa An;*
- *Lưu án văn; Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Lục Thanh Hải